

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hồng Phúc	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên
Ông Võ Đức Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Sáng	Thành viên
Ông Đinh Văn Dũng	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Võ Đức Nhân	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vũ Kỳ	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH



Lê Quốc Khánh

Tổng Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Số: 2403.06-25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Hồng Vân

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Hằng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3744-2021-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.944.463.742	148.546.031.031
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.145.024.857	4.154.823.251
1 Tiền	111	V.1.	4.145.024.857	4.154.823.251
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.321.389.316	74.102.343.609
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	55.037.884.130	67.458.983.478
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	5.588.557.176	6.692.816.074
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	824.108.209	1.079.704.256
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.	(1.129.160.199)	(1.129.160.199)
IV Hàng tồn kho	140	V.6.	77.848.097.526	68.683.455.465
1 Hàng tồn kho	141		78.543.124.453	68.683.455.465
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(695.026.927)	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		4.629.952.043	1.605.408.706
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	384.683.985	417.961.559
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.111.626.503	1.183.590.386
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	133.641.555	3.856.761
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.413.073.182	117.074.968.198
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		114.048.430.391	106.961.092.883
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	88.909.426.429	81.401.793.239
- Nguyên giá	222		243.440.991.156	225.345.482.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(154.531.564.727)	(143.943.689.210)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	25.139.003.962	25.559.299.644
- Nguyên giá	228		26.625.078.780	26.625.078.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.486.074.818)	(1.065.779.136)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		34.604.300.250	2.625.830.724
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	34.604.300.250	2.625.830.724
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		9.760.342.541	7.488.044.591
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	9.760.342.541	7.488.044.591
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		305.357.536.924	265.620.999.229

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C NỢ PHẢI TRẢ	300		175.210.471.635	139.347.626.352
I Nợ ngắn hạn	310		149.330.072.373	131.374.572.862
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	52.140.596.318	65.842.364.847
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	26.376.567.862	1.465.327.883
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	1.120.186.918	1.638.244.518
4 Phải trả người lao động	314		8.060.251.153	7.261.726.149
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	6.430.713.716	3.414.248.750
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	29.545.456	-
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	5.791.956.769	6.414.875.259
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.	48.906.578.766	44.500.410.041
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		473.675.415	837.375.415
II Nợ dài hạn	330		25.880.399.262	7.973.053.490
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.	25.468.845.046	7.561.499.274
2 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.18.	411.554.216	411.554.216
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130.147.065.289	126.273.372.877
I Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	129.806.408.745	125.932.716.333
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.344.180.000	99.344.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		99.344.180.000	99.344.180.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		2.223.600.000	2.223.600.000
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		12.090.810.784	11.590.810.784
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.147.817.961	12.774.125.549
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		352.823.949	346.045.216
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		15.794.994.012	12.428.080.333
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		340.656.544	340.656.544
1 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		340.656.544	340.656.544
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		305.357.536.924	265.620.999.229

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Sáng

Quyền Kế toán trưởng



Phan Thị Tình

Tổng Giám đốc



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	420.790.506.303	422.163.665.717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	11.498.624.119	5.946.587.870
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		409.291.882.184	416.217.077.847
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	301.027.476.401	312.141.649.934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		108.264.405.783	104.075.427.913
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	662.825.210	65.452.606
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	3.758.565.334	4.852.934.143
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.541.106.728	4.494.652.240
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	71.037.030.044	68.115.782.148
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	14.203.137.992	15.435.988.081
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		19.928.497.623	15.736.176.147
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	1.446.174	1.003.343
12. Chi phí khác	32	VI.7.	67.447.815	108.772.160
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(66.001.641)	(107.768.817)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		19.862.495.982	15.628.407.330
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	4.067.501.970	3.200.326.997
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15.794.994.012	12.428.080.333
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	1.589,93	1.313,37

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Sáng

Phan Thị Tình



Lê Quốc Khánh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.862.495.982	15.628.407.330
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.652.968.097	12.076.799.878
- Các khoản dự phòng	03		695.026.927	(60.875.329)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.233.979)	(14.052.480)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.001.399)	(7.219.572)
- Chi phí lãi vay	06		3.541.106.728	4.494.652.240
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.742.362.356	32.117.712.067
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.723.133.382	3.426.544.586
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.859.668.988)	8.894.418.095
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		21.979.888.434	(14.057.684.790)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.239.020.376)	302.127.765
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.528.588.902)	(4.494.652.240)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.451.685.190)	(3.123.805.887)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.500.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(404.200.000)	(169.328.638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.002.720.716	22.895.330.958
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(58.412.895.215)	(10.792.940.422)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.001.399	7.219.572
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(58.405.893.816)	(10.785.720.850)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		281.943.804.920	242.569.379.307
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(259.630.290.423)	(245.613.722.361)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.921.301.600)	(15.895.068.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.392.212.897	(18.939.411.854)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(10.960.203)	(6.829.801.746)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.154.823.251	10.961.907.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.161.809	22.717.730
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	4.145.024.857	4.154.823.251

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Sáng

Phan Thị Tình

Lê Quốc Khanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tĩnh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3000104879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 29/12/2004. Công ty có 19 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3000104879 thay đổi lần 19 ngày 29/12/2022 thì vốn Điều lệ của Công ty là **99.344.180.000 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là HDP.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, bán buôn, bán lẻ và xuất nhập khẩu thuốc chữa bệnh; Sản xuất nguyên phụ liệu, sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người;

- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: sản xuất đồ uống không cồn; Bán buôn đồ uống;

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người. Bán lẻ vắc xin, sinh phẩm y tế;

- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng. Tư vấn thuốc và sức khỏe;

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế; Bán buôn vắc xin, sản phẩm y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước uống tinh khiết, nước giải khát;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, tài sản trên đất;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát, thi công các công trình lắp đặt, xây dựng máy móc thiết bị y tế và dược phẩm;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, thi công, lắp đặt các công trình, máy móc, thiết bị y tế và dược phẩm;

- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp.

Trụ sở Công ty tại: Số 167 đường Hà Huy Tập, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên Đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Số 3, ngõ 122, đường Láng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 18, đường 50B, khu phố 9, phường Tân Tạo, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa	510 Hải Thượng Lãn Ông, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh tỉnh Nghệ An	Liên kề 1-12, đường Lê Nin, xóm 19, xã Nghi Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh huyện Lộc Hà	Xóm 1, xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Kỳ Anh	Khu phố 2, thị trấn Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Thạch Hà	Khối 10, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Cẩm Xuyên	Tổ 13, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Can Lộc	Khối 6B, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Nghi Xuân	Khối 4, thị trấn Nghi Xuân, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Đức Thọ	Xóm Cầu Đồi, xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Hương Sơn	Khối 1, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Hương Khê	Khối 8, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	187 Nguyễn Xí, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Nha Trang	Lô 09-STH24 đường số 10, khu đô thị mới Lê Hồng Phong I, phường Phước Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 580 nhân viên (Tại ngày 31/12/2023 là 574 nhân viên).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Tài sản cố định khác	07 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất lâu dài và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ; Chi phí bảo trì phần mềm; Chi phí san nền, giải phóng mặt bằng, khảo sát ở Cẩm Vịnh; Sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà máy; Thuê ki ốt kinh doanh tại Chợ Bông - Đức Bông - Vũ Quang; Chi phí dịch vụ phần mềm và các chi phí trả trước khác chờ phân bổ.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 3 năm.

Chi phí bảo trì phần mềm: Chi phí bảo trì phần mềm quản lý hệ thống phân phối ERP phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời gian thực tế trên hợp đồng bảo trì.

Chi phí san nền, giải phóng mặt bằng, khảo sát ở Cẩm Vịnh là toàn bộ các khoản chi phí mà Công ty chi ra phục vụ cho việc giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng Nhà máy Cẩm Vịnh và được phân bổ theo thời gian khấu hao của Nhà máy,

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà máy là các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Chi phí thuê ki ốt kinh doanh tại Chợ Bông - Đức Bông - Vũ Quang là chi phí trả trước tiền thuê ki ốt kinh doanh phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ theo thời gian thực tế theo thỏa thuận hợp đồng.

Chi phí dịch vụ phần mềm là chi phí trả trước gói dịch vụ sử dụng phần mềm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ theo thời gian sử dụng phần mềm quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ phần mềm.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí trích trước của các chương trình khuyến mại đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

12. Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ không quá 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/ tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi (lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, phí bảo lãnh hợp đồng và chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm.

16. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm dược phẩm và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	552.013.221	1.123.687.495
Tiền gửi ngân hàng	3.135.011.636	2.665.135.756
Tiền đang chuyển	458.000.000	366.000.000
Cộng	4.145.024.857	4.154.823.251

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Song Vàng	-	-	414.687.792	-
Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hà Tĩnh	3.010.492.609	-	3.607.586.532	-
Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	2.984.930.617	-	3.355.339.181	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNHĐịa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà,
thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty CP Rosabela Việt Nam	3.229.409.107	-	3.332.631.770	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Khánh Nguyên	4.347.847.809	-	4.540.682.786	-
Các đối tượng khác	41.465.203.988	(1.129.160.199)	52.208.055.417	(1.129.160.199)
Cộng	55.037.884.130	(1.129.160.199)	67.458.983.478	(1.129.160.199)

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Xây lắp 998	-	-	1.200.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị New Diamond	-	-	1.083.877.200	-
Công ty TNHH MTV Vĩnh Linh	1.216.000.000	-	-	-
Ennovpha Industries (Asia) Limited	252.093.600	-	2.202.937.440	-
Dunham-Bush Industries SDN. BHD.	944.727.510	-	944.727.510	-
Meggle Usa Inc	974.100.000	-	-	-
Công ty TNHH TM SX và xây dựng Phong Thịnh	282.146.480	-	141.073.240	-
Chi nhánh Hà Tây - Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội	200.662.800	-	-	-
Công ty TNHH xây dựng và thương mại tổng hợp Sông Châu	451.931.508	-	-	-
Công ty CP Kỹ thuật Trung Hiếu	204.743.700	-	-	-
Các đối tượng khác	1.062.151.578	-	1.120.200.684	-
Cộng	5.588.557.176	-	6.692.816.074	-

4. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Phải thu khác	542.629.272	-	651.980.941	-
Thiếu Đăng Hưng	131.902.225	-	131.902.225	-
Các đối tượng khác	410.727.047	-	520.078.716	-
Tạm ứng	281.478.937	-	427.723.315	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phan Anh Huy	-	-	49.637.878	-
Nguyễn Mạnh Cường	56.534.275	-	20.000.864	-
Nguyễn Thanh Tịnh	62.320.000	-	-	-
Các đối tượng khác	162.624.662	-	358.084.573	-
Cộng	824.108.209	-	1.079.704.256	-

b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

5. Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu khách hàng</i>				
Phòng khám đa khoa Thiện Tâm	216.530.614	-	216.530.614	-
Công ty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	134.757.128	-	134.757.128	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Cao Nguyên Từ Thị Sâm	134.372.574	-	134.372.574	-
Từ Thị Sâm	621.001.643	-	621.001.643	-
Các đối tượng khác	22.498.240	-	22.498.240	-
Cộng	1.129.160.199	-	1.129.160.199	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.228.920.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	43.875.917.026	(628.070.281)	32.658.511.409	-
Công cụ, dụng cụ	177.973.161	(5.776.822)	196.108.293	-
Thành phẩm	25.064.294.506	(40.876.590)	24.992.065.991	-
Hàng hóa	9.424.939.760	(20.303.234)	9.607.849.772	-
Cộng	78.543.124.453	(695.026.927)	68.683.455.465	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2024	111.435.357.152	98.945.074.619	14.965.050.678	-	225.345.482.449	
Mua trong năm	-	13.645.599.109	-	725.362.052	14.370.961.161	
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.369.344.444	-	-	-	4.369.344.444	
Thanh lý, nhượng bán	(435.496.898)	(209.300.000)	-	-	(209.300.000)	
Phá dỡ tài sản cố định	-	-	-	-	(435.496.898)	
Số dư ngày 31/12/2024	115.369.204.698	112.381.373.728	14.965.050.678	725.362.052	243.440.991.156	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2024	61.519.184.830	72.243.354.234	10.181.150.146	-	143.943.689.210	
Khấu hao trong năm	4.147.592.663	5.980.392.486	1.050.559.031	54.128.235	11.232.672.415	
Thanh lý, nhượng bán	-	(209.300.000)	-	-	(209.300.000)	
Phá dỡ tài sản cố định	(435.496.898)	-	-	-	(435.496.898)	
Số dư ngày 31/12/2024	65.231.280.595	78.014.446.720	11.231.709.177	54.128.235	154.531.564.727	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	49.916.172.322	26.701.720.385	4.783.900.532	-	81.401.793.239	
Tại ngày 31/12/2024	50.137.924.103	34.366.927.008	3.733.341.501	671.233.817	88.909.426.429	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 108.768.203.264 VND (Tại ngày 31/12/2023 là: 98.581.800.278 VND).

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 63.519.036.768 VND (Tại ngày 31/12/2023: 63.897.021.636 VND).

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	22.422.122.000	4.202.956.780	26.625.078.780
Số dư ngày 31/12/2024	22.422.122.000	4.202.956.780	26.625.078.780
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	-	1.065.779.136	1.065.779.136
Khấu hao trong năm	-	420.295.682	420.295.682
Số dư ngày 31/12/2024	-	1.486.074.818	1.486.074.818
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2024	22.422.122.000	3.137.177.644	25.559.299.644
Tại ngày 31/12/2024	22.422.122.000	2.716.881.962	25.139.003.962

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 19.073.122.000 VND (Tại ngày 31/12/2023: 19.073.122.000 đồng).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công trình xưởng sản xuất viên nang mềm	109.090.909	109.090.909
Chi phí cải tạo Văn phòng và công chính Công ty	-	2.516.739.815
Chi phí đầu tư phòng cháy chữa cháy	92.592.593	-
Mua sắm máy móc thiết bị	2.729.520.454	-
Mua nhà tại Dự án An Quý Villas	31.673.096.294	-
Cộng	34.604.300.250	2.625.830.724

10. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	295.644.395	328.921.969
Chi phí bảo hiểm	89.039.590	89.039.590
<i>b) Dài hạn</i>		
Chi phí san nền, giải phóng mặt bằng, khảo sát ở Cẩm Vịnh	-	2.862.427.316
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	515.229.838	853.608.115
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà máy	7.866.052.284	2.377.834.294
Thuê ô tô kinh doanh tại Chợ Bộng - Đức Bông - Vũ Quang	82.604.140	129.806.512
Chi phí phần mềm Base	917.700.000	1.179.900.000
Chi phí trả trước khác	378.756.279	84.468.354
Cộng	10.145.026.526	7.906.006.150

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNHĐịa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà,
thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Hóa Dược Quốc tế Hà Nội	2.951.022.406	2.951.022.406	4.752.574.840	4.752.574.840
Công ty TNHH Bao Bì Tấn Thành	1.818.482.435	1.818.482.435	1.490.430.335	1.490.430.335
Công ty TNHH Suheung Việt Nam	3.694.545.500	3.694.545.500	5.035.087.400	5.035.087.400
Công ty TNHH Sản xuất Bao Bì và TM Đức Thành	1.923.644.946	1.923.644.946	1.733.052.017	1.733.052.017
Công ty CP Dược phẩm Vĩnh Phúc	-	-	126.899.990	126.899.990
Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam (FKV)	1.909.019.427	1.909.019.427	1.515.874.412	1.515.874.412
Công ty cổ phần Thương mại Dược VTYT Khải Hà	1.945.058.129	1.945.058.129	1.093.293.183	1.093.293.183
Công ty CP Dược thiết bị y tế Hà Giang	1.019.276.789	1.019.276.789	5.028.537.499	5.028.537.499
Công ty TNHH Linh Hưng	2.126.301.250	2.126.301.250	2.098.327.100	2.098.327.100
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	-	-	9.895.500.000	9.895.500.000
Công ty CP Thương mại Dược phẩm 3A	4.674.296.280	4.674.296.280	2.779.620.000	2.779.620.000
Các đối tượng khác	30.078.949.156	30.078.949.156	30.293.168.071	30.293.168.071
Cộng	52.140.596.318	52.140.596.318	65.842.364.847	65.842.364.847

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Sun Jeu Pharma Co., Ltd	33.659.882	480.555.739
Sambath Sery Vattanac Co.,Ltd	649.072.671	65.115.608
Công ty TNHH Dược phẩm Liên Hoa	-	165.936.920
Công ty cổ phần Dược phẩm Generic	1.150.000.000	-
Công ty TNHH Corex Biopharm	3.287.987.355	-
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Song Vân	19.410.211.629	-
Công ty CP Dược Phúc Thái	972.992.200	-
Các đối tượng khác	872.644.125	753.719.616
Cộng	26.376.567.862	1.465.327.883

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2024
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	98.191.989	2.209.259.516	2.307.433.600	17.905
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.617.935.684	1.617.935.684	-
Thuế thu nhập cá nhân	139.178.737	1.456.169.423	1.492.182.654	103.165.506
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.344.176.170	4.067.501.970	4.451.685.190	959.992.950
Thuế tiêu thụ đặc biệt	56.697.622	269.503.063	282.591.708	43.608.977
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	379.577.184	379.577.184	-
Các loại thuế khác	-	13.401.580	-	13.401.580
Cộng	1.638.244.518	10.013.348.420	10.531.406.020	1.120.186.918
b) Phải thu				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	130.784.794	130.784.794
Thuế thu nhập cá nhân	2.758.448	-	-	2.758.448
Các loại thuế khác	1.000.000	25.998.225	24.998.225	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	98.313	16.296.374	16.296.374	98.313
Cộng	3.856.761	42.294.599	172.079.393	133.641.555



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Vay

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
a) Ngắn hạn	48.906.578.766	48.906.578.766	250.337.049.108	245.930.880.383	44.500.410.041	44.500.410.041
<i>a1) Vay ngắn hạn</i>	<i>35.949.603.928</i>	<i>35.949.603.928</i>	<i>237.380.074.270</i>	<i>236.404.711.095</i>	<i>34.974.240.753</i>	<i>34.974.240.753</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (1)	7.753.969.822	7.753.969.822	126.848.912.666	125.363.617.944	6.268.675.100	6.268.675.100
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (2)	24.993.731.104	24.993.731.104	107.199.258.602	110.911.093.151	28.705.565.653	28.705.565.653
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (3)	3.201.903.002	3.201.903.002	3.331.903.002	130.000.000	-	-
<i>a2) Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>12.956.974.838</i>	<i>12.956.974.838</i>	<i>12.956.974.838</i>	<i>9.526.169.288</i>	<i>9.526.169.288</i>	<i>9.526.169.288</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (4)	7.980.064.000	7.980.064.000	7.980.064.000	1.852.200.000	1.852.200.000	1.852.200.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (5)	4.976.910.838	4.976.910.838	4.976.910.838	7.661.160.040	7.661.160.040	7.661.160.040
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (6)	-	-	-	12.809.248	12.809.248	12.809.248
b) Dài hạn	25.468.845.046	25.468.845.046	44.563.730.650	26.656.384.878	7.561.499.274	7.561.499.274
<i>Vay dài hạn</i>	<i>25.468.845.046</i>	<i>25.468.845.046</i>	<i>44.563.730.650</i>	<i>26.656.384.878</i>	<i>7.561.499.274</i>	<i>7.561.499.274</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (4)	20.617.741.556	20.617.741.556	31.693.342.670	13.290.314.000	2.214.712.886	2.214.712.886
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (5)	4.851.103.490	4.851.103.490	12.870.387.980	13.366.070.878	5.346.786.388	5.346.786.388
Cộng	74.375.423.812	74.375.423.812	294.900.779.758	272.587.265.261	52.061.909.315	52.061.909.315

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 70/24/NH/KHDN ngày 27/12/2024 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Hạn mức dư nợ: 25.000.000.000 VND; Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định; Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Bảo đảm theo (các) biện pháp bảo đảm hoặc Hợp đồng Bảo đảm quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng. Lãi suất vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2024/511085/HĐTĐ ngày 06/5/2024 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh. Số tiền vay tối đa là 40.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn vay: được ghi trên từng giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Các hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2014/511085/HĐBBĐ ngày 24/3/2014; Số 03/2014/511085/HĐBBĐ ngày 11/8/2014; Số 01/2016/511085/HĐBBĐ ngày 04/3/2016; Số 03/2017/511085/HĐBBFF ngày 25/10/2017. Lãi suất vay: chi tiết theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 2404.0200/2024-HĐCVHM/NHCT430-DUOCHT với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, hạn mức dư nợ 10 tỷ đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh hợp pháp, hợp lệ của bên vay. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, bao gồm:
 - Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 04/23/TDHH/KHDN ngày 20/12/2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền cho vay tối đa là 657.970.950 VND; Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến Phương án Đầu tư 03 Máy thiết bị xử lý không khí kết hợp dàn ngưng tụ để nâng cao năng lực sản xuất; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay cố định 6,9%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản là Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 1313/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023; số 21/23/TC/KHDN ngày 28/6/2023; số 85/23/TC/KHDN ngày 09/12/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 02/23/TD/H/KHDN ngày 29/6/2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền cho vay tối đa là 936.571.500 VND; Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc Đầu tư 03 máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất bao gồm: 01 Máy hòa tan 8 cốc PTWS 820D, Model: PTWS 820D; 01 Máy phân cực kế, Model: MCP 4100 và 01 Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV, Model: LC-2050; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay cố định 8,7%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp tài sản là Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 1313/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 15/24/TD/H/KHDN ngày 27/12/2024 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, số tiền cho vay tối đa là 1,1 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư (chưa bao gồm VAT); mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến Phương án đầu tư 1 hệ thống phòng sạch phục vụ hoạt động sản xuất thuốc nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP-WHO để nâng cao năng lực sản xuất. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cố định 5,6%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp tài sản là Quyền và sử dụng đất và nhà ở, tài sản trên đất, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2024, số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/22/TD/H/KHDN ngày 19/4/2022 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền cho vay tối đa là 2,16 tỷ đồng; Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư 01 máy dập viên cao tốc, Model: JC-SH-31D để nâng cao năng lực sản xuất. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay cố định 12 tháng đầu 7,5%/năm, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp tài sản là Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 1313/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021 ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 04/24/TDHH/KHND ngày 29/8/2024 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, số tiền cho vay tối đa là 27,5 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt quá 80% tổng mức phương án đầu tư, mục đích vay tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến phương án đầu tư mua nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty CP Dược Hà Tĩnh - Chi nhánh Hà Nội, Tài sản tại ô đất ký hiệu F10-L31 thuộc dự án An Quý Villas có địa chỉ tại khu đô thị mới Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội. Lãi suất 6,3%/năm cố định trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Thẻ chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và nhà ở, Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2023, số 820/20/TC/KHND ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHND ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHND ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHND ngày 03/4/2019, số 350/2019/TC/KHND ngày 03/4/2019, số 260/21/TC/KHND ngày 23/9/2021, số 16/23/TC/KHND ngày 14/03/2023, số 21/23/TC/KHND ngày 28/6/2023, số 85/23/TC/KHND ngày 09/12/2023, số 14/24/TC/KHND ngày 05/6/2024; số 38/24/TC/KHND ngày 12/8/2024 và các Hợp đồng sửa, đổi bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 03/24/TDHH/KHND ngày 12/6/2024 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, số tiền cho vay tối đa là 2,4 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư, mục đích vay Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến Phương án đầu tư 1 hệ thống phòng sạch phục vụ hoạt động sản xuất thuốc nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP-WHO để nâng cao năng lực sản xuất. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay điều tiên, lãi suất 7,1%/năm cố định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Thẻ chấp tài sản là tài sản trên đất, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/2/2014, số 820/20/TC/KHND ngày 07/12/2020; số 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013, số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/VCB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHND ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHND ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHND ngày 03/04/2019; số 350/2019/TC/KHND ngày 03/04/2019; 260/21/TC/KHND ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHND ngày 14/03/2023; số 21/23/TC/KHND ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHND ngày 14/03/2023; số 21/23/TC/KHND ngày 28/6/2023; số 85/23/TC/KHND ngày -9/12/2023; số 14/24/TC/KHND ngày 05/6/2024 và các Hợp đồng sửa, đổi bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/23/TDHH/KHND ngày 15/3/2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền cho vay tối đa là 1,8 tỷ đồng; Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc Đầu tư Máy trộn nhũ hóa chân không, Model: SY-HME-200 để nâng cao năng lực sản xuất; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay cố định 9,8%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp tài sản là Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 1313/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; số 820/20/TC/KHND ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHND ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHND ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHND ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHND ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHND ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHND ngày 14/3/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 02/2022/511085/HĐTĐ ngày 06/7/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 4.986.487.200 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư tài sản là 08 máy móc, thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất, đóng gói dược phẩm, cụ thể: 01 Hệ thống máy xát hạt Quadro Comil 194, 01 máy đóng nang cứng, 01 máy lau viên nang, 01 máy bao phim tự động, 01 máy đóng gói (vi thuốc), 01 máy nghiền đinh, 01 máy trộn cao tốc; Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,8%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên được áp dụng tại thời điểm giải ngân. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và ngày 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 1.182.408.742 VND.
- Vay theo các hợp đồng sau: Hợp đồng số 03/2021/511085/HĐTĐ ngày 21/10/2021; Hợp đồng số 05/2021/511085/HĐTĐ ngày 01/11/2021; Hợp đồng số 04/2021/511085/HĐTĐ ngày 15/10/2021; Hợp đồng số 01/2021/511085/HĐTĐ ngày 04/5/2021; Hợp đồng số 02/2020/511085/HĐTĐ ngày 28/5/2020; Hợp đồng số 03/2019/511085/HĐTĐ ngày 29/7/2019; Hợp đồng số 02/2019/511085/HĐTĐ ngày 26/7/2019; Hợp đồng số 01/2019/511085/HĐTĐ ngày 06/6/2019 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Thời hạn vay 36 tháng và 60 tháng; Mục đích vay: Mua sắm tài sản; Lãi suất: Lãi suất áp dụng cụ thể theo từng hợp đồng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp kèm theo từng hợp đồng vay được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Công ty. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 175.220.096 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 04/2023/511085/HĐTĐ ngày 28/11/2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 900.000.000 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư 01 Xe ô tô con Kia Carnival-2.2D-Premium-8S theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số K231142 ngày 14/11/2023 được ký giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh và Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Ô tô Hoàng Hà; Lãi suất vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 7%/năm, thời gian còn lại áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,6%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm khác giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng với Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 600 triệu đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 03/2023/511085/HĐTĐ ngày 25/9/2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 3.360.000.000 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư 07 máy móc thiết bị phục vụ sản xuất thuốc nhỏ mắt theo Hợp đồng mua bán số AS-HT230920 ngày 20/9/2023 được ký giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh và Ennovpha Industries (Asia) Limited; Lãi suất vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 7,3%/năm, thời gian còn lại áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,6%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên sau thời gian ưu đãi được áp dụng từ ngày 25/9/2024 đến ngày 01/3/2025. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm khác giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng với Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 2.072.536.500 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Hợp đồng tín dụng số 02/2023/511085/HĐTD ngày 25/8/2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 1.896.785.100 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị là Máy chiết chai, đóng nút trong, nắp ngoài tự động, Model: CJ-500V theo Hợp đồng kinh tế số 27/ND-23 ngày 08/8/2023 được ký giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh và Công ty TNHH Thiết bị New Diamond; Lãi suất vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 7,3%/năm, thời gian còn lại áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,6%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm khác giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng với Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 948.392.550 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 03/2022/511085/HĐTD ngày 24/5/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 4.900.000.000 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý thực hiện đầu tư dự án nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty CP Dược Hà Tĩnh - Chi nhánh Nha Trang; Lãi suất vay cố định trong 24 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,8%/năm. Biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm khác giao kết cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng với Ngân hàng là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của thừa đất số 63, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: Lô 09 - STH24 Đường số 10, Khu đô thị mới Lê Hồng Phong I, Phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Khách hàng tại Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 750 triệu đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 06/2022/511085/HĐTD ngày 24/8/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 831.852.000 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Thanh toán tiền hệ thống máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC; Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 8,6%/năm. Sau thời gian trên áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,8%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên thời gian ưu đãi được áp dụng từ ngày 24/8/2023 đến ngày 01/9/2023. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và ngày 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: Thẻ chấp tài sản hình thành trong tương lai số 06/2022/511085/HĐBĐ ngày 24/8/2022 được ký giữa Công ty và Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 201.282.000 VND.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 02/2022/511085/HĐTD ngày 06/7/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 4.986.487.200 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư tài sản là 08 máy móc, thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất, đóng gói dược phẩm, cụ thể: 01 Hệ thống máy xát hạt Quadro Comil 194, 01 máy đóng nang cứng, 01 máy lau viên nang, 01 máy đóng hộp tự động, 01 máy bao phim tự động, 01 máy đóng gói (vi thuốc), 01 máy nghiền định, 01 máy trộn cao tốc; Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,8%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên được áp dụng tại thời điểm giải ngân. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và ngày 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 1.182.408.742 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Hợp đồng tín dụng số 02/2024/511085/HĐTD ngày 18/06/2024 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh. Số tiền vay 1.958.320.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay đầu tư 4 máy móc thiết bị theo Hợp đồng mua bán số AS-HT231127 ngày 27/11/2023 được kí giữa Công ty CP Dược Hà Tĩnh và Ennovpha Industries (Asia) Limited. Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 6,8%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,6%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên được áp dụng tại thời điểm giải ngân. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và ngày 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 1.918.174.440 VND.

(6) Hợp đồng tín dụng số 046CN299.HĐTD ngày 23/01/2019 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội; Số tiền vay không vượt quá 750 triệu đồng được giải ngân một lần hoặc nhiều lần theo đề nghị của Bên Vay vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn giải ngân; Mục đích vay: Mua xe ô tô Toyota Fortuner theo Hợp đồng mua bán số 00150119/THD-HDMB ngày 02/01/2019 phục vụ kinh doanh; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu; Lãi suất vay: lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân; Tài sản đảm bảo: Xe ô tô Toyota Fortuner số khung MHFJB3G4J1101887, số máy: 2GDC470938 đứng tên Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh tại Hà Nội cùng với bản chính giấy tờ sở hữu, sử dụng Tài sản bảo đảm bằng cách ký kết các hợp đồng bảo đảm. Khoản vay đã được tất toán trong năm.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí bán hàng phải trả	6.348.074.789	3.344.127.649
Chi phí lãi vay	82.638.927	70.121.101
Cộng	6.430.713.716	3.414.248.750

16. Phải trả khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	31.596.220
Kinh phí công đoàn	864.573.299	1.100.815.470
Bảo hiểm xã hội	493.400.076	1.064.541.033
Bảo hiểm y tế	87.193.591	186.452.857
Bảo hiểm thất nghiệp	38.698.044	6.691.422
Phải trả về cổ phần hóa	1.320.000	1.320.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.306.771.759	4.023.458.257
<i>Nhận ký cược của trình được viên</i>	<i>2.387.342.406</i>	<i>2.440.342.406</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác.</i>	<i>1.919.429.353</i>	<i>1.583.115.851</i>
Cộng	5.791.956.769	6.414.875.259

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	29.545.456	-
Cộng	29.545.456	-

18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	411.554.216	411.554.216
Số dư tại ngày 31/12/2024	411.554.216	411.554.216

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	99.344.180.000	2.223.600.000	17.191.114.016	118.758.894.016
Lãi trong năm trước	-	-	12.428.080.333	12.428.080.333
Phân phối các quỹ	-	-	(950.000.000)	(950.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(15.895.068.800)	(15.895.068.800)
Số dư tại ngày 31/12/2023	99.344.180.000	2.223.600.000	12.774.125.549	114.341.905.549
Lãi trong năm nay	-	-	15.794.994.012	15.794.994.012
Phân phối các quỹ (*)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(11.921.301.600)	(11.921.301.600)
Số dư tại ngày 31/12/2024	99.344.180.000	2.223.600.000	16.147.817.961	117.715.597.961

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của Công ty CP Dược Hà Tĩnh.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lê Hồng Phúc	12.224.660.000	9.217.390.000
Nguyễn Đăng Phát	7.447.630.000	7.447.630.000
Lê Quốc Khánh	15.701.940.000	11.485.790.000
Võ Đức Nhân	6.455.600.000	6.455.600.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các cổ đông khác	57.514.350.000	64.737.770.000
Cộng	99.344.180.000	99.344.180.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	99.344.180.000	99.344.180.000
Vốn góp đầu năm	99.344.180.000	99.344.180.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	99.344.180.000	99.344.180.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.921.301.600	15.895.068.800

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.934.418	9.934.418
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.934.418	9.934.418
- Cổ phiếu phổ thông	9.934.418	9.934.418
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.934.418	9.934.418
- Cổ phiếu phổ thông	9.934.418	9.934.418

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển	11.590.810.784	500.000.000	-	12.090.810.784
Cộng	11.590.810.784	500.000.000	-	12.090.810.784

*** Mục đích trích lập quỹ:**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	222,39	16.435,07

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ông Vifon	-	167.808.850
Công ty TNHH Dược Vật tư Y tế Phúc Đức	-	160.544.433
Ông Võ Văn Ka	-	4.000.000
Các đối tượng khác	-	349.523.689
Cộng	-	681.876.972

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	420.137.779.030	421.274.093.192
Doanh thu cung cấp dịch vụ	652.727.273	632.727.273
Doanh thu khác	-	256.845.252
Cộng	420.790.506.303	422.163.665.717

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chiết khấu thương mại	10.841.484.510	5.432.364.969
Hàng bán bị trả lại	657.139.609	514.222.901
Cộng	11.498.624.119	5.946.587.870

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán hàng	300.332.449.474	312.120.086.472
Giá vốn khác	-	21.563.462
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	695.026.927	-
Cộng	301.027.476.401	312.141.649.934

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.001.399	7.219.572
Chiết khấu thanh toán được hưởng	572.885.495	20.986.530
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	53.119.287	23.609.177

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Chi phí đồ dùng văn phòng	333.359.085	234.497.868
Chi phí khấu hao TSCĐ	654.345.998	866.907.467
Thuế, phí và lệ phí	431.511.220	418.549.344
Chi phí dự phòng	-	621.001.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.502.693.706	1.138.938.128
Chi phí bằng tiền khác	4.602.848.963	6.792.175.562
<i>c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	-	<i>(11.537.229)</i>
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(11.537.229)
Cộng	85.240.168.036	83.551.770.229

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	175.039.001.520	188.698.880.021
Chi phí nhân công	64.632.268.436	64.227.152.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.652.968.097	12.076.799.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.919.036.805	11.622.546.092
Chi phí khác bằng tiền	45.871.114.955	43.598.474.930
Cộng	308.114.389.813	320.223.853.052

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	19.862.495.982	15.628.407.330
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	86.696.496	266.792.160
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	19.949.192.478	15.895.199.490
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.989.838.496	3.179.039.898
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	77.663.474	21.287.099
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.067.501.970	3.200.326.997

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.794.994.012	12.428.080.333
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.794.994.012	12.428.080.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.934.418	9.462.714
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.589,93	1.313,37

(*) Năm 2024, lợi nhuận dùng để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	281.943.804.920	242.569.379.307
Cộng	281.943.804.920	242.569.379.307

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	259.630.290.423	245.613.722.361
Cộng	259.630.290.423	245.613.722.361

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan**

Ông Lê Hồng Phúc
Ông Lê Quốc Khánh
Ông Võ Đức Nhân

Ông Nguyễn Hữu Sáng
Ông Đinh Văn Dũng
Ông Nguyễn Đăng Phát

Ông Phạm Vũ Kỳ
Ông Phan Anh Huy
Bà Bùi Thị Hoa
Ông Phan Đình Tiến

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/4/2023)
Phó Tổng giám đốc
Trưởng ban kiểm soát
Thành viên ban kiểm soát
Thành viên ban kiểm soát

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bà Phan Thị Tình

Quyền Kế toán trưởng

**) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tạm ứng		
Ông Đinh Văn Dũng	158.000.000	358.000.000
Ông Phan Anh Huy	100.000.000	52.000.000
Ông Võ Đức Nhân	-	50.000.000
Ông Nguyễn Hữu Sáng	7.000.000	10.000.000
Ông Phan Đình Tiến	100.000.000	120.000.000
Hoàn ứng		
Ông Đinh Văn Dũng	180.696.440	335.842.508
Ông Phan Anh Huy	124.339.254	97.182.030
Ông Võ Đức Nhân	15.000.000	110.000.000
Ông Nguyễn Hữu Sáng	7.000.000	10.000.000
Ông Phan Đình Tiến	100.000.000	122.386.000
Cổ tức		
Ông Lê Hồng Phúc	1.106.086.800	1.474.782.400
Ông Lê Quốc Khánh	1.378.294.800	1.837.726.400
Ông Võ Đức Nhân	774.672.000	1.032.896.000
Ông Đinh Văn Dũng	306.901.200	409.201.600
Ông Nguyễn Đăng Phát	893.715.600	1.191.620.800
Ông Phạm Vũ Kỳ	46.561.200	62.081.600
Ông Phan Anh Huy	17.586.000	23.448.000
Bà Bùi Thị Hoa	78.344.400	104.459.200
Ông Phan Đình Tiến	15.177.600	20.236.800
Bà Phan Thị Tình	123.367.200	164.489.600

**) Số dư với các bên liên quan*

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tạm ứng		
Ông Đinh Văn Dũng	37.166.352	22.157.492
Ông Phan Anh Huy	-	49.637.878
Ông Võ Đức Nhân	-	15.000.000

() Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:*

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác	3.623.295.440	3.384.253.832

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thu nhập của thành viên Ban kiểm soát	963.770.330	833.882.722
Cộng	4.587.065.770	4.218.136.554

Chi tiết từng thành viên như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
Thu nhập của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác			
Ông Lê Hồng Phúc	Chủ tịch HĐQT	685.689.603	616.422.900
Ông Đinh Văn Dũng	Thành viên HĐQT	461.705.013	402.278.071
Ông Nguyễn Đăng Phát	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2023)	-	213.444.250
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	795.119.235	747.833.277
Ông Võ Đức Nhân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	627.280.713	577.868.974
Ông Phạm Vũ Kỳ	Phó Tổng giám đốc	407.183.109	418.751.900
Ông Nguyễn Hữu Sáng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2023)	367.227.533	207.305.960
Bà Phan Thị Tinh	Quyền Kế toán trưởng (Bổ nhiệm 04/5/2023)	279.090.234	200.348.500
Thu nhập của Ban kiểm soát			
Ông Phan Anh Huy	Trưởng Ban kiểm soát	366.832.250	317.531.250
Bà Bùi Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	266.404.284	247.249.939
Ông Phan Đình Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	330.533.796	269.101.533
Cộng		4.587.065.770	4.218.136.554

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Người lập biểu

Nguyễn Hữu Sáng

Quyền Kế toán trưởng

Phan Thị Tinh

Tổng Giám đốc

Lê Quốc Khánh